

STREAM



Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực

Tạp chí STREAM

Học hỏi và trao đổi thông tin về đời sống của nông, ngư dân

Được ấn hành bởi sáng kiến STREAM

Địa chỉ:

STREAM Initiative
Network of Aquaculture Centres in Asia-Pacific (NACA),
Suraswadi Building, Department of Fisheries Compound,
Kasetsart University Campus, Ladyao, Jatujak,
Bangkok, Thailand.

Bản quyền © The NACA-STREAM Initiative, 2005

Chúng tôi khuyến khích việc sao chép tài liệu này phục vụ đào tạo và các mục đích phi thương mại khác mà không cần phải xin phép cơ quan giữ bản quyền.

Mọi trường hợp sao chép để kinh doanh kiếm lợi mà không được cơ quan giữ bản quyền (theo địa chỉ trên) cho phép đều bị nghiêm cấm.

Mục lục

Những thanh niên năng động <i>Josephine P Savaris</i>	1
Diễn đàn nhân dân <i>Elizabeth M Gonzales và Josephine Savaris</i>	3
Hồi sinh hồ cá Bundu – Kết quả hợp tác giữa Sáng kiến STREAM và Cục Nghề cá <i>Bhim Nayak and Ashish Kumar</i>	5
Khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn lợi ven bờ ở Cox's Bazar (Bang-la-đét) <i>M K Abu Hena, H Sharifuzzaman, M S Aftabuddin và M N Haque</i>	7
Con người, cá và rạn san hô trong quá trình học hỏi về sinh kế <i>Abigail Moore</i>	9
Tìm hiểu thương mại cá cảnh biển và những tác động đối với đời sống người nghèo ở Phi-líp-pin <i>Elizabeth M Gonzales</i>	11
Vài nét về <i>Tạp chí STREAM</i>	13
Giới thiệu về Sáng kiến STREAM	14

Lời nói đầu

Xin chào mừng quý độc giả đã đến với Tập 4 của *Tạp chí STREAM*. Trong số này, các bài viết sẽ phân tích cuộc sống dân nghèo ở những quốc gia khác nhau:

- Một nhóm thanh niên mới bước vào cuộc sống lao động và những ngư dân mong muốn ngày càng có nhiều phụ nữ làm đại diện cho quyền lợi của họ ở Phi-líp-pin;
- Các cộng đồng “bộ tộc” và “đẳng cấp thấp” đang cố gắng giành quyền khai thác và sử dụng một thủy vực và quyết tâm vận động phụ nữ cùng tham gia hoạt động này ở Ấn Độ;
- Các cư dân ven biển – những người thường bị đổ lỗi cho tình trạng xuống cấp về môi trường ở Bang-la-đét;
- Những ngư dân chuyên khai thác cá cảnh bị buộc phải sử dụng các phương thức đánh bắt hủy diệt, và những người nghèo phải lao động cực nhọc trong chuỗi thị trường thủy hải sản phục vụ xuất khẩu ở In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

Cuối mỗi bài viết, các tác giả đều nêu ra những cách làm sáng tạo để người dân tự cải thiện đời sống của mình. Đó có thể là những ý tưởng kinh doanh cho thanh niên, thành lập và mở rộng hội nghề cá, quản lý hồ cá hoặc nguồn lợi ven bờ dựa vào cộng đồng, nâng cao nhận thức và tăng cường đối thoại, xây dựng uy tín và sự tôn trọng, cũng như những khuyến nghị cải cách về chính sách và phương thức hoạt động xuất – nhập khẩu.

Dù ít hay nhiều, các bài viết đều cố gắng thể hiện tâm tư nguyện vọng của các cộng đồng dân cư. Vậy chúng ta đã sẵn lòng lắng nghe những lời tâm sự đó hay chưa?

Chúc độc giả tìm được những thông tin bổ ích!

Graham Haylor, Giám đốc Sáng kiến STREAM, và
William Savage, Biên tập viên Tạp chí STREAM

Những thanh niên năng động

Josephine P Savaris

Giới trẻ Inopacan

Inopacan là một huyện cấp 5¹ ở miền Tây Leyte, Phi-líp-pin. Giới trẻ ở đây thường ít được quan tâm hơn so với các nhóm nông dân, ngư dân và phụ nữ. Một cuộc khảo sát gần đây cho thấy nhiều thanh niên, đặc biệt là nữ giới, đang có xu hướng di cư ra các khu vực thành thị làm nghề giúp việc trong các gia đình. Các làng Esperanza, Conalum, Tahud, Guadalupe, Jubasan, Macagoco, Linao và Can-angay có đến 48% số thanh niên (ở độ tuổi 15 - 21) không đi học. Ma túy, cờ bạc diễn ra phổ biến. Một số người kết hôn từ rất sớm và sống cùng bố mẹ để có nơi nương tựa về mặt kinh tế. Những người muốn kiếm sống xa quê hương cũng thường gặp nhiều khó khăn vì ít có cơ hội làm ăn. Tầng lớp thanh niên địa phương khi trưởng thành nhìn chung đều khởi nghiệp bằng các hoạt động nông nghiệp và khai thác cá. Họ cần có những ngành nghề kinh tế hỗ trợ để tăng thu nhập gia đình và giải quyết những bức xúc về mặt xã hội.

Một dự án phát triển

Tháng 4/2004, Hiệp hội Phát triển Nhân lực Khu vực Nông thôn Phi-líp-pin (HHPTNLKVNT - viết tắt tên tiếng Anh là PhilDHRRA) hợp tác với *Katilingban sa Mag-uuma, Mananagat, Kababayenhan ug Kabatan-onan sa Lungsod sa Inopacan* (KASAMMAKA)² triển khai dự án “Hỗ trợ ý tưởng kinh doanh cho thanh niên địa phương trong phát triển nông thôn”. Mục tiêu của dự án là xây dựng năng lực cá nhân và tập thể, đồng thời khuyến khích thanh niên Inopacan thành lập các doanh nghiệp tại chỗ để phát triển sản xuất ở vùng nông thôn. Dự án được thực hiện thí điểm ở 20 *barangays*³ của Inopacan – nơi có nhiều tổ chức thành viên của KASAMMAKA. Dự án được thực hiện trong 3 năm, với nguồn tài trợ từ quỹ Asian Community Trust – một tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Nhật Bản. Tháng 4/2005, dự án chính thức bước vào giai đoạn 2.

Giúp đỡ thanh niên làm kinh tế

Công việc đầu tiên được dự án thực hiện là lên danh sách các thanh thiếu niên ở độ tuổi từ 14 đến 29 tại 8 làng. Mỗi làng có một nhóm nòng cốt gồm 5 thành viên trẻ được lập ra để giúp đỡ những người làm công tác tổ chức cộng đồng trong việc huy động các thanh niên khác tham gia vào nhiều hoạt động như hội họp, thảo luận nhóm theo chủ đề. Trong số 40 nhóm nòng cốt, 16 nhóm được chọn là Thanh niên Tiên phong Phát triển Cộng đồng (TNTPPTCĐ). Những thanh niên này được bồi dưỡng về phương pháp tổ chức cộng đồng và *đánh giá nhanh thực địa* (Rapid Field Appraisal - RFA) để triển khai ngay sau tập huấn. Các số liệu RFA được sử dụng để xây dựng các kế hoạch thanh niên *barangay* vào cuối năm.



Một lãnh đạo thanh niên đang trao đổi về những số liệu thu được và việc lập kế hoạch với chính quyền cơ sở

Một số hoạt động xây dựng năng lực khác cũng được tiến hành, nổi bật là một chuyến thăm thành phố Cebu, một hội thảo định hướng về các điều khoản trong Bộ luật Chính quyền Địa phương về quản lý *barangay*, một khóa tập huấn kỹ năng lãnh đạo và một hội thảo định hướng kinh doanh. Các cuộc hội thảo đã cung cấp cho thanh niên những hiểu biết về ý nghĩa quan trọng của việc thanh niên tham gia quản lý xã hội, các chương trình dự án, công tác hành chính của chính quyền cơ sở, các phẩm chất và giá trị của những doanh nhân tốt và nhiều điều bổ ích khác. Việc xây dựng nhóm cũng được hoàn thành ngay trong khóa tập huấn kỹ năng lãnh đạo. Cuối năm 2004, 8

¹ Đơn vị chính quyền ở địa bàn có tổng thu nhập hàng năm dưới 500.000 pê-sô (khoảng 9.090 USD)

² HHPTNLNTP là một tổ chức phi chính phủ, KASAMMAKA là liên đoàn các tổ chức quần chúng

³ Đơn vị hành chính nhỏ nhất ở Phi-líp-pin, tương đương với một làng

tổ chức thanh niên cấp thôn làng được thành lập. Một liên đoàn cấp huyện cũng đang mạnh nha hình thành và tương lai sẽ trở thành thành viên của KASAMMAKA.



Làm bài tập mô phỏng về quản trị kinh doanh

Hai hội thảo được tổ chức để giúp thanh niên chuẩn bị khởi nghiệp bằng con đường kinh doanh. Nội dung hội thảo đầu tiên là đánh giá những phẩm chất doanh nhân cần có và khả năng kinh tế của cá nhân. Phẩm chất doanh nhân được khảo sát thông qua công cụ *đánh giá năng lực kinh doanh cá nhân* (ĐGNLKDCN) với thang điểm cho 10 loại phẩm chất khác nhau, bao gồm: tìm kiếm cơ hội, bản lĩnh, sự tận tụy với công việc, yêu cầu phẩm chất và hiệu quả, chấp nhận rủi ro, xác định mục tiêu, tìm kiếm thông tin, lập kế hoạch và giám sát có hệ thống, thuyết phục và quan hệ đối tác, sự tự tin. Kết quả cho thấy thanh niên đã có được những phẩm chất cơ bản để bắt đầu việc kinh doanh. Khả năng kinh tế được đánh giá bằng công cụ *biểu cân đối cá nhân* (BCĐCN), để điều tra loại và cỡ nhà ở, số thành viên trong gia đình, nguồn thu nhập, các tài sản và khả năng thanh toán của gia đình. BCĐCN cho thấy điều kiện kinh tế của thanh niên nói chung ở mức “trung bình khá”, bởi vậy cũng có thể coi là đủ để thành

lập doanh nghiệp nhỏ. Tổng cộng đã có 127 thanh niên đủ tiêu chuẩn trở thành các đối tượng hưởng lợi của chương trình phát triển doanh nghiệp thí điểm.

Nội dung cuộc hội thảo thứ hai là đánh giá cơ sở vật chất và nhân lực của các làng. Dữ liệu ĐGNLKDCN và số liệu thứ cấp đã được phân tích kỹ lưỡng để lên danh sách những hạng mục đầu tư. Danh sách này sau đó đã được rút ngắn xuống còn 10 hạng mục ưu tiên trên cơ sở những tiêu chí về khả năng tiêu thụ, nguồn nguyên liệu thô, trình độ kỹ thuật, ưu tiên hỗ trợ của chính quyền, ý nghĩa chiến lược, cơ chế thực hiện, rủi ro tiềm ẩn, khả năng sinh lợi, chi phí và doanh thu. Trong những hạng mục được chọn có chế biến thực phẩm, sản xuất bia rượu và nước giải khát, nghề thủ công, chế tạo vật dụng nội thất và buôn bán nhỏ. Nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương sẽ được các doanh nghiệp khai thác để sử dụng vào các mục đích đó.

Lập kế hoạch

Kế hoạch phát triển kinh tế được thanh niên lập ra với các nội dung: 1) thông tin sơ bộ và bản đồ thôn làng, 2) tình hình sản xuất hàng hóa hiện nay, những cơ cấu và nhân lực sẵn có của cộng đồng, 3) nhu cầu và khó khăn, 4) con đường phát triển kinh tế, và 5) kế hoạch trước mắt. Kết quả các cuộc hội thảo về ĐGNLKDCN và BCĐCN, phân tích số liệu và xếp thứ tự ưu tiên các doanh nghiệp cần đầu tư cũng được phản ánh trong kế hoạch này. Bản kế hoạch sẽ được phổ biến cho những hộ gia đình khác trong làng cũng như chính quyền huyện Inopacan để có nguồn hỗ trợ về tài chính cho các doanh nghiệp đó.

Phát triển kinh doanh là ý tưởng đã đem lại cho giới thanh niên địa phương niềm hy vọng có thể khắc phục những khó khăn về kinh tế mà họ đang gặp phải. Sự giúp đỡ của chính quyền cơ sở và các cấp, các ngành, tổ chức hữu quan sẽ là động lực để họ biến tiềm năng thành hiện thực, mặt khác tạo điều kiện để họ trở thành những công dân ưu tú của Inopacan.

Chị Josephine P Savaris là Điều phối viên Chương trình của HHPTNLNTP tại Visayas. Địa chỉ thư điện tử <jo_savaris@yahoo.com>.

Diễn đàn nhân dân

Elizabeth M Gonzales và Josephine Savaris

Hội nghị của lòng dân

Từ những năm 1960 - 1970, các tổ chức phi chính phủ ở Phi-líp-pin đã cố gắng vận động ngư dân tham gia vào các tổ chức quần chúng và nâng cao vai trò, vị thế của họ trong xã hội. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn phân tán và không bền vững. Ngư dân vẫn chưa có sự đoàn kết và thống nhất trong hoạt động để có thể tác động vào quá trình hoạch định chính sách hay tham gia (trực tiếp hoặc thông qua đại diện) vào sự nghiệp phát triển nghề cá quốc gia. Trở ngại chủ yếu là thiếu kinh phí để giúp các lãnh đạo ngư dân tập trung tại một diễn đàn – nơi họ có thể chia sẻ kinh nghiệm, thống nhất quan điểm hành động và phối hợp lập kế hoạch hành động chung.

Đáp ứng nhu cầu đó, Cơ quan Phát triển CHLB Đức (viết tắt là DED⁴) cùng một số đối tác khác ở nước này đã thực hiện nhiều chương trình ở Phi-líp-pin, huy động nguồn kinh phí thực hiện dự án “*Trợ giúp các hộ gia đình Saint Catherine*” và tổ chức Hội nghị Ngư dân Viaysas. Kể từ hội nghị đầu tiên (năm 2000) tại thành phố Dumaguete, sự kiện này diễn ra mỗi năm một lần vào tháng 9 hoặc tháng 10 trong thời gian khoảng 3 đến 4 ngày, và gần đây nhất là hội nghị lần thứ năm (tháng 9/2004). Các hội nghị lần thứ ba, tư và năm được tổ chức bởi HHPTNLNTP. Văn phòng STREAM Phi-líp-pin cũng được mời tham dự 2 hội nghị gần đây nhất để cùng tham gia thảo luận, trưng bày tranh ảnh và phát các ấn phẩm của Sáng kiến cho các đại biểu.



*Các đại biểu và áp phích tranh ảnh
tại Hội nghị Ngư dân lần thứ 5*

Các chủ điểm hoạt động năm

Mặc dù chủ đề thay đổi theo từng năm, nhưng mục đích chính của các hội nghị trên chủ yếu vẫn là: 1) mở ra một diễn đàn để lãnh đạo ngư dân ở các tỉnh cùng trao đổi ý kiến, kinh nghiệm và lập kế hoạch hành động chung; 2) hỗ trợ việc thành lập, củng cố và thể chế hóa những cơ cấu hoặc khuôn khổ cần thiết để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động quản lý tổng hợp dải ven bờ.

Hội nghị lần thứ nhất mang chủ đề “*Một kinh nghiệm, một tri thức hướng tới một kỳ vọng: Nâng cao vị thế và ổn định cuộc sống các cộng đồng ven biển*”, 78 đại biểu đến từ các tổ chức quần chúng ở khu vực dự án DED, các tổ chức phi chính phủ, chính quyền cơ sở, Hội đồng Quản lý Nghề cá và Nguồn lợi thủy sản (HĐQLNCNLTS) và các cơ quan nhà nước ở trung ương đã đến dự hội thảo. Nội dung thảo luận chủ yếu là việc thành lập các khu bảo tồn biển (KBTB – viết tắt tiếng Anh là MPA) và tái tạo rừng ngập mặn, những nghề mới để tạo thu nhập, hoạt động tín dụng và đầu tư cho các hiệp hội, hợp tác xã của ngư dân. Từng tỉnh đã xác định những vấn đề ưu tiên và đề xuất biện pháp thực thi tương ứng.

Trong hội nghị lần thứ hai “*QLTHDVB⁵: Kinh nghiệm và thách thức*”, 4 trường hợp điển hình đã được nêu ra để các đại biểu bàn bạc về những khó khăn trong ngành thủy sản và cách thức giải quyết. Đó là những vấn đề về khai thác cát sỏi, tranh chấp quyền sử dụng đất, nuôi trồng và khai thác trong công tác quản lý tổng hợp dải ven bờ. Hội nghị lần này cũng đã đề cập đến nhu cầu lập ra một tổ công tác để vận động ủng hộ cộng đồng ngư dân Visayas.

Tại hội nghị lần thứ ba “*Thống nhất hành động trong QLTHNLVB⁶*”, 13 tỉnh trên đảo Visayas đã cử đại biểu đến tham dự. Các phiên họp trong hội nghị lần này bàn về thực trạng và phương hướng phát triển ngành thủy sản theo 6

⁴ Deutscher Entwicklungsdienst

⁵ Quản lý tổng hợp dải ven bờ

⁶ Quản lý tổng hợp nguồn lợi ven bờ

nội dung: i) trợ giá trợ cước của chính phủ cho ngư dân; ii) phân chia thẩm quyền quản lý giữa các huyện; iii) các vấn đề chính trị trong quản lý nguồn lợi ven bờ; iv) đảm bảo thực thi luật pháp; v) sinh kế; vi) sự tham gia của ngư dân vào quản lý địa phương. Một bản nghị quyết gồm 34 khoản mục của toàn thể hội nghị đã được soạn thảo và gửi đến các cơ quan hữu quan. Một nghị quyết khác về HĐQLNCNLTS cũng được chuyển tới Văn phòng Tổng thống để xử lý. Đội “phản ứng nhanh” có thành viên là đại diện tất cả các tỉnh tham gia cũng được thành lập để giải quyết những vướng mắc về thủ tục hành chính mà hội nghị lần thứ hai đã chỉ ra và chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động kế tiếp đã thỏa thuận, trong đó có việc đệ trình các bản nghị quyết trên lên cấp có thẩm quyền.

Hội nghị lần thứ tư “*QLTHNLVB: Thể chế hóa đường lối ổn định cuộc sống các cộng đồng ven biển*” có 150 đại biểu, hầu hết đã tham dự một trong các hội nghị trước đó, đại diện cho các tỉnh Aklan, Antique, Capiz, Guimaras, Iloilo, Masbate, và Negros Occidental thuộc Vùng 6 (miền Tây Visayas); Bohol, Cebu, Negros Oriental và Siquihor thuộc vùng 7 (miền Trung Visayas); Biliran, Eastern Samar, Leyte, Samar và Southern Leyte thuộc vùng 8 (Đông Visayas). Kết quả quan trọng nhất của hội nghị này là quyết định thành lập liên đoàn ngư dân Visayas do một Hội đồng Lãnh đạo (HĐLD) đứng đầu, và thống nhất về bộ máy tổ chức của liên đoàn.



Nhóm đại biểu Iloilo đang xem lại nội dung ghi chép sau khi thảo luận các vấn đề ưu tiên và kế hoạch hành động

Hội nghị lần thứ năm - “*QLTHNLVB: Xóa bỏ khoảng cách, thiết lập cầu nối*” – được tổ chức trong giai đoạn “quá độ”. Toàn thể đại biểu đều tán thành chủ trương xây dựng những cơ chế đảm bảo tính bền vững của chương trình đã được triển khai trong suốt 4 năm qua. Kết quả chính của hội nghị là đã phê chuẩn cơ cấu Hội đồng Lãnh đạo, nhưng với điều kiện là phải tăng số phụ nữ tham gia hội đồng này, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho các ủy ban trực thuộc hội đồng. HHPTNLNTP được đề nghị giữ vai trò ban thư ký, vì liên đoàn mới ra đời còn nhiều lúng túng trong giải quyết công việc.

Kế hoạch cho tương lai

Tháng 2/2004, HĐLD họp bàn kế hoạch dài hạn về khả năng tiếp tục tổ chức những hội nghị tương tự và hoạt động liên quan trong tương lai. Sau đó, trong thời gian diễn ra hội nghị lần thứ năm (như đã nêu trên), HĐLD lại họp một lần nữa và thông qua kế hoạch cụ thể, theo đó HĐLD sẽ đứng ra vận động sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và các nhóm hoạt động “có chiều sâu”, mặt khác sẽ lên danh sách chính thức các tổ chức sẽ trở thành thành viên của Liên đoàn Ngư dân Visayas. Các thành viên sẽ đóng góp lệ phí thường kỳ để Liên đoàn có ngân sách thanh toán các chi phí chuẩn bị về mặt hậu cần cho Hội đồng hoạt động. Trong thời gian tới, ba cuộc họp tư vấn cấp vùng sẽ được triệu tập nhằm xác định bộ máy liên đoàn, vai trò, chức năng, điều lệ và thủ tục giải quyết các công việc theo thẩm quyền. Liên đoàn sẽ là cầu nối đưa ngư dân Visayas xích lại gần nhau hơn, để cùng nhau tìm hiểu và xử lý những vấn đề đang nằm trong mối quan tâm chung của cả nước.

Elizabeth M Gonzales là Trưởng phòng Thông tin STREAM Phi-líp-pin, địa chỉ thư điện tử <streambfar-phil@skynet.net>. Josephine P Savaris là điều phối viên Chương trình của HHPTNLNTP ở Visayas, địa chỉ thư điện tử <jo_savaris@yahoo.com>.

Hồi sinh hồ cá Bundu – Kết quả hợp tác giữa Sáng kiến STREAM và Cục Nghề cá

Bhim Nayak và Ashish Kumar

Những thăng trầm của cá Bundu

Bundu Bara Bandh là một hồ nước rộng khoảng 40 héc-ta, nằm giữa làng Bundu, huyện Ranchi, bang Jharkhand, Ấn Độ. Hồ cá Bundu là nguồn sống của khoảng 100 hộ gia đình ngư dân ở hai làng lân cận – Fulwar Toli và Manjhi Toli. Cá ở Bundu rất ngon, được nhiều người dân trong thành phố yêu thích và thậm chí nhiều người bán cá lấy luôn danh hiệu “cá Bundu” để chào bán sản phẩm cho khách hàng.

Cách đây 20 năm, dân số vùng này còn thưa thớt và Cục Nghề cá (DOF) thả ghép cá vào hồ Bundu, thì mọi việc vẫn còn suôn sẻ. Tuy nhiên, tới thời điểm Cục Nghề cá ngừng thả cá, trong khi số thành viên của các gia đình ngày càng tăng, thì ngư dân không thể tiếp tục sống bằng nghề khai thác được nữa. Cá trôi Ấn ngày một ít hơn, khiến ngư dân chỉ còn đánh bắt được các loài cá tạp và cá dũ. Số cá trôi ít ỏi trong hồ lúc này chủ yếu là những con cá giống thoát ra từ những ao cá của các làng xung quanh bị mưa lớn làm xói lở bờ. Vì lâu ngày không được tu sửa, nên mặt hồ, bờ hồ phủ đầy bèo và rong. Người dân muốn tắm rửa trong hồ cũng rất khó chứ chưa nói gì đến việc đánh cá.



Hồ Bundu trước khi cải tạo

Sự giảm sút về số lượng và chất lượng cá đánh bắt ở hồ Bundu đã buộc ngư dân phải tính đến những phương kế làm ăn khác. Rất nhiều người trong số họ phải chuyển sang làm các công việc như nuôi dê, kéo xe, nuôi lợn, đánh trống đám cưới, làm thuê hoặc di cư ra thành phố kiếm ăn. Thay vì bán cá đánh bắt được ở hồ, phụ nữ trong làng bắt đầu phải đi mua cá Ranchi hoặc trung tâm huyện lỵ cách xa tới 40 km để mang về bán cho người khác.

Trợ giúp nhỏ – nhận thức mới, hành động và thành công

Làng Bundu được xếp vào loại khu vực bán đô thị, do vậy người dân không được hưởng lợi từ các chương trình xã hội như khu vực nông thôn. Do vậy, những ngư dân Bundu và vợ con

họ phải kiếm sống rất cực nhọc. Tất cả nguồn sinh kế của họ đều phải trông chờ vào một hồ cá mà nay đã bị rong bèo phủ kín, trong khi các loài cá dũ và cá tạp (như cá quả, cá trê...) lại có giá trị quá thấp.

Năm 2002, ngư dân Bundu được tham gia vào dự án “Khảo sát cải thiện chính sách dịch vụ nuôi trồng thủy sản cho dân nghèo” do DFID⁷ tài trợ và Sáng kiến STREAM thực hiện. Trong những lần gặp gỡ với các cán bộ dự án, người dân đề nghị cần ưu tiên dọn sạch hồ Bundu. Sau các cuộc hội đàm, chính quyền bang Jharkhand và chính phủ Ấn Độ cũng đã hiểu rõ về tình hình cũng như nguyện vọng của ngư dân Bundu. Cuối cùng đề nghị của họ đã được đưa vào kế hoạch năm 2004 – 2005 kèm theo kinh phí thực hiện để bắt đầu công việc vào tháng 3/2005.

Tuy vậy, công việc không hề dễ dàng chút nào. Rễ bèo cái mọc quá dày và quấn chặt vào nhau nên rất khó lấy ra. Nhiều chỗ cỏ còn mọc lẫn vào bèo, khiến cho việc dọn hồ càng thêm nặng nhọc. Ngư dân phải lấy liềm để cắt thân và rễ, lấy dây thép gai buộc vào rồi kéo lên chất thành đống trên bờ hồ. Tiếp đó, họ dùng đòn tre khiêng cỏ bèo, rong rêu vớt ra nơi khác. Tiêu hủy đám rong bèo cũng lại là một khó khăn nữa. Một phần cỏ rác được máy kéo chở

⁷ Chương trình các hệ nguồn lợi tự nhiên của Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh

tới các ruộng lúa hoặc trang trại nông nghiệp để ủ thành phân xanh; chỗ còn lại được phơi khô rồi đốt đi. Các cống thoát nước bị tắc vì bùn đất lấp kín được khơi thông. Giờ thì mọi người đã có thể tắm rửa trong hồ. Họ bắt đầu nghĩ đến việc nuôi cá quy mô lớn hơn. Khoảng 50 ngư dân của hai làng Fulwar Toli và Manjhi Toli thay nhau làm việc liên tục trong suốt 3 tháng để dọn sạch toàn bộ hồ. Cục Nghề cá của bang đã cấp khoản kinh phí cả gói 500.000 ru-pi (tương đương khoảng 11.363 đô la Mỹ) để ngư dân Fulwar Toli và Manjhi Toli bắt đầu nuôi cá.

Những bài toán đặt ra cho công tác quản lý

Bây giờ lại nảy sinh vấn đề làm sao để quản lý và sử dụng hiệu quả hồ cá. Bhim Nayak – một lãnh đạo ngư dân - rất phấn khởi và tích cực tham gia bàn luận với những ngư dân trong làng xóm về biện pháp khai thác hồ cá để thu được lợi nhuận cao nhất. Cục Nghề cá đang xem xét việc giao (hoặc cho thuê) hồ cá cho 4 tổ tự quản của phụ nữ làng Fulwar Toli. Nếu được giao, họ cần phải thả vào hồ đàn cá giống chất lượng tốt để nâng cao sản lượng nuôi.

Mặc dù có một hợp tác xã ngư dân được thành lập ở đây từ những năm 1950, nhưng chỉ hai xã viên là còn sống nhưng đã quá già. Nếu hợp tác xã được phục hồi, nó có thể là một công cụ giúp quản lý hữu hiệu hồ cá và chính quyền sẽ ít gặp khó khăn hơn trong việc giao hồ cho hợp tác xã. Tuy nhiên, để hợp tác xã như vậy ra đời, phải có sự nhất trí của cả Cục Nghề cá, Cục Hợp tác xã và cộng đồng ngư dân Bundu.

Một vấn đề nữa phát sinh trong quá trình tạo lợi nhuận từ mặt nước hồ là, một số ngư dân khai thác lâu năm có thể sẽ phản đối việc trả lệ phí dưới hình thức một phần cá bắt được trong hồ. Tuy nhiên theo Bhim Nayak, nếu không đóng góp để quản lý thường xuyên, thì làm sao họ có thể giữ nguyên trạng hồ cá trong tương lai?



Hồ Bundu đang được dọn sạch

Cục Nghề cá bang cũng đang cân nhắc việc đem đấu giá công khai hồ cá này, nhưng ngư dân không tán thành với phương án đó. Vận mệnh của hồ cá Bundu và ngư dân bản địa đang đứng trước bước ngoặt quan trọng. Nếu những bất ổn về xã hội chưa được giải quyết, thì sẽ rất khó quản lý việc khai thác và chắc hẳn khi đó mâu thuẫn sẽ xảy ra.

Bhim Nayak là trưởng thôn Fulwar Toli, tiểu khu Bundu, huyện Ranchi bang Jharkhand, Ấn Độ. Ashish Kumar là Phó Cục trưởng Cục Nghề cá bang Jharkhand. Địa chỉ thư điện tử chung của hai tác giả: <ashishkumar_1in@yahoo.com>.

Khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn lợi ven bờ ở Cox's Bazar (Bang-la-đét)

M K Abu Hena, H Sharifuzzaman, M S Aftabuddin và M N Haque

Giới thiệu

Huyện Cox's Bazar nằm trên bờ biển phía đông nam Bang-la-đét. Từ thời tiền sử, khu vực duyên hải của huyện đã có tầm quan trọng đặc biệt vì có nguồn tài nguyên động thực vật rất đa dạng và phong phú. Kinh tế gia đình các hộ dân ở đây dựa vào nghề làm muối, khai thác cá và làm cá khô, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, dịch vụ du lịch, buôn bán và làm nghề thủ công.

Những vùng triều đặc trưng bởi lớp đất cát, thịt pha cát hoặc bùn, với rừng ngập mặn, ruộng muối, các rạn san hô, đầm lầy nhiễm mặn, ruộng cói, rong tảo là những gì thường thấy ở Cox's Bazar. Những khu hệ sinh thái này là nguồn sinh sống của cư dân địa phương, cung cấp thực phẩm, tiền mặt và nhiên liệu cho họ. Tuy nhiên, dân số tăng quá nhanh kèm theo sự hủy hoại môi sinh ngày một nghiêm trọng là mối đe dọa trực tiếp đối với đa dạng sinh học đới bờ và mặt nước ven bờ. Người dân địa phương vẫn đang sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách thiếu thận trọng, làm mất hẳn một số loại nguồn lợi (như đối với rừng ngập mặn Chakaria Sunderban) hoặc khai thác quá mức một vài loại khác (như đánh bắt tôm, cá giống trong tự nhiên để nuôi thủy sản). Chỉ còn khá ít đối tượng là chưa bị khai thác (như nhuyễn thể, rong biển và nuôi biển), do đó nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu quản lý dải ven bờ đang trở nên bức thiết.

Công tác quản lý hiện nay cần phải tập trung điều chỉnh sự tác động của con người theo những cấp độ hợp lý để thu được năng suất ổn định. Điều này đòi hỏi các số liệu thống kê phải được quản lý phù hợp, song song với việc tìm hiểu nguồn lợi và những tác nhân sinh thái học có ảnh hưởng đến tính thống nhất của hệ sinh thái. Một chuyến khảo sát đã được thực hiện với mục đích thu thập những thông tin về tầm quan trọng của nguồn lợi ven bờ, phương thức sử dụng và bảo vệ chúng ở Cox's Bazar. Các nội dung này sẽ được trình bày tóm tắt như dưới đây.

Rừng ngập mặn

Nguyên nhân gây ra nạn phá rừng ngập mặn ở Cox's Bazar và nhiều nơi khác trên thế giới chủ yếu là do các hoạt động nuôi tôm, nghề làm muối, chặt cây lấy củi hoặc làm nhà. Một khi rừng ngập mặn bị hủy hoại sẽ kéo theo sự xuống cấp của sinh cảnh ven bờ, gây nguy hiểm đến đa dạng sinh học và nguồn lợi ven bờ, tăng xói lở đất, tăng mức độ tàn phá của bão lụt, thủy triều xâm thực, sóng thần, ảnh hưởng xấu đến các khu vực kiếm mồi, bãi đẻ và môi trường phát triển của các loài động thực vật thủy sinh. Rõ ràng, những biện pháp quản lý hiện đang áp dụng cho các khu vực rừng ngập mặn vẫn chưa phát huy hiệu quả và không thể làm căn cứ để xây dựng các kế hoạch phát triển.



Một vạt rừng ngập mặn xanh tươi bên bờ sông Naf và trên đảo Jaliardwip (Teknaf - Cox's Bazar) - ảnh chụp năm 1986

Nghề làm muối

Lớp đất sét dọc các vùng cửa sông, lạch ở Cox's Bazar không thuận tiện cho việc canh tác nông nghiệp do quá chua. Bởi vậy, những địa bàn trước đây được khẩn hoang để làm nông nghiệp hoặc trồng rừng ngập mặn trên quy mô lớn nay lại được sử dụng làm ruộng muối vì đem lại lợi nhuận cao hơn cho người dân. Nhưng cũng chính vì thế, sự màu mỡ của đất và nước bị giảm sút, đồng thời nhiều loài động thực vật thủy sinh cũng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào làm rõ vấn đề này.

Rạn san hô

Đảo Saint Martin gần bờ biển Teknaf của huyện Cox's Bazar là đảo duy nhất có san hô ở Bangladesh. Tuy nhiên rạn san hô ở đây đang bị đe dọa bởi các hoạt động nông nghiệp, khai thác cá theo phương thức hủy diệt, sinh hoạt của con người, tình trạng khai thác đá và hiện tượng bồi lắng phù sa. Do thiếu hiểu biết, kém ý thức và chưa biết cách quản lý tốt nguồn lợi sinh vật biển, nên cư dân địa phương vẫn liên tục khai thác san hô và sò với số lượng lớn để đem bán.



Rừng ngập mặn đang bị chặt phá lấy củi hoặc lấy diện tích nuôi thủy sản ở bờ sông Naf (Teknaf - Cox's Bazar)

Nghề nuôi tôm

Hầu hết các đầm tôm trên bờ biển Cox's Bazar được đào từ cuối những năm 1980, sau khi chính quyền có quyết định cho thuê đất ven biển. Những chủ đầm tôm thường xả thức ăn thừa của tôm và các loại chất thải khác xuống các thủy vực xung quanh, dẫn đến hiện tượng phì dưỡng và làm nước biển ô nhiễm. Tỷ lệ rừng ngập mặn bị tàn phá và tốc độ hủy hoại môi trường do nghề nuôi tôm gây ra vẫn chưa được thống kê đầy đủ.

Dịch vụ du lịch ở địa phương

Thành phố Cox's Bazar City có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch nội địa và nước ngoài vì có phong cảnh rất đẹp và khí hậu mùa đông. Đây là thủ đô du lịch của Băng-la-đét, nơi có những làn sóng biển vỗ bờ cát vàng trải dài bên những vách đá sừng sững, nơi có rừng cây xanh mướt và các di tích lịch sử nổi tiếng. Bãi cát ven biển ở đây có chiều dài vào bậc nhất thế giới (120 km), nghiêng thoải xuống lòng biển xanh của vịnh Bengal. Tuy nhiên, do quản lý thiếu chặt chẽ và không có đủ phương tiện phục vụ du khách, ngành du lịch vẫn chưa phát triển mạnh và chưa tạo ra thu nhập ổn định cho người dân Cox's Bazar.

Kết luận

Những khó khăn của Cox's Bazar hiện nay chủ yếu là: quản lý thiếu hiệu quả đối với rừng ngập mặn, nghề cá và các khu hệ sinh thái địa phương, thiếu khả năng cưỡng chế thực hiện các quy định. Để ngăn chặn tình trạng hủy hoại tài nguyên, cần phải thực hiện những việc làm sau:

- Xác định hiện trạng nguồn lợi ven bờ.
- Giám sát, theo dõi những thay đổi về tình hình nguồn lợi ven bờ.
- Tăng cường quản lý các khu bảo tồn theo các mục tiêu đã định.
- Thực hiện các dự án hợp tác về nghiên cứu khoa học, sinh thái học và bảo tồn nguồn lợi ven bờ
- Nâng cao ý thức và khuyến khích cộng đồng tham gia quản lý nguồn lợi ven bờ
- Nâng cao chất lượng dịch vụ về quản lý nguồn lợi ven bờ và cung cấp các dịch vụ đó cho cộng đồng.
- Vận động các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội thương mại tham gia lập kế hoạch chiến lược cho công tác bảo tồn nguồn lợi
- Nghiên cứu những mối nguy hiểm do thiên nhiên và con người gây ra cho nguồn lợi ven bờ, thực thi các chương trình quản lý nguồn lợi quốc gia.

Để có được số liệu tốt phục vụ cho những công việc nói trên, nghiên cứu và phát triển đa ngành trở thành một yêu cầu cấp bách. Những chương trình, chính sách trọng điểm về bảo vệ nguồn lợi cũng cần phải được đưa vào nội dung các kế hoạch quản lý.

M K Abu Hena, H Sharifuzzaman, M S Aftabuddin và M N Haque đang công tác tại Viện Khoa học Biển, Đại học Chittagong (Băng-la-đét). Địa chỉ thư điện tử chung của các tác giả: <hena71@yahoo.com>.

Con người, cá và rạn san hô trong quá trình học hỏi về sinh kế

Abigail Moore

Cuộc hội ngộ tình cờ

Tôi không phải là một nhà khoa học xã hội. Chuyên ngành được đào tạo của tôi là cơ khí và sinh học, cụ thể là đa dạng sinh học, đặc biệt là khảo sát và bảo tồn rạn san hô. Tôi cũng là một giáo viên dạy môn lặn dùng bình ô-xy. Sau khi đến với Sáng kiến STREAM tại một cuộc gặp mặt bất ngờ, tôi nhận được lá thư “từ trên trời rơi xuống” mời tham dự một cuộc họp ở Bali cùng bạn đồng nghiệp Samliok Ndobe – một chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản. Trước khi tới Ba-li, chúng tôi không biết gì cụ thể ngoại trừ thông tin rằng cuộc họp này liên quan đến một chương trình nghiên cứu biển, có thể ở Sulawesi, trong đó có hợp phần khai thác và có những đại biểu nổi tiếng về hải dương học đến dự. Lúc ấy tôi đang chuẩn bị có sự thay đổi, vì đang dự định rời khỏi dự án xây dựng năng lực cộng đồng và bảo tồn rạn san hô ở Palu mà tôi đã gắn bó suốt 4 năm trước đó. Tôi biết đây là lời đề nghị mà tôi không thể từ chối được, nhưng cũng sớm nhận ra rằng đó chính là một cơ hội tuyệt vời. Chúng tôi sẽ cùng nhau tiến hành phân tích sinh kế với các cộng đồng khai thác cá cảnh trong khuôn khổ một dự án của NACA-STREAM “Xuất nhập khẩu hải sản quốc tế với việc hỗ trợ sinh kế bền vững cho những người nghèo tham gia khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản Châu Á”, với sự tài trợ của Chương trình Nâng cao Hiệu quả Xóa đói Giảm nghèo – Cộng đồng Châu Âu (viết tắt tên tiếng Anh là EC-PREP).

Nghiên cứu điển hình và một mơ ước trở thành hiện thực

Các địa điểm được lựa chọn cho nghiên cứu điển hình là quần đảo Banggai – nguồn cung cấp cá cảnh biển chủ yếu (mà Samliok đã từng tới làm việc trước đây), Banyuwangi và Denpasar – các trung tâm thu mua xuất khẩu. Tôi mơ ước đến quần đảo Banggai từ lâu và năm 1997 tôi “suýt nữa” có dịp đi công tác tới đó. Sau đó là nhiều chuyến đi “hụt” khác. Cuối cùng thì bây giờ đoàn 9 người chúng tôi đã đến quần đảo thân thiện xa xôi này! Trong hành trình kéo dài 2 ngày từ Palu đến Luwuk và trên chuyến phà đêm đến địa điểm tập kết, tôi cứ băn khoăn: Mọi việc sẽ như thế nào? Liệu chúng tôi có làm tốt nhiệm vụ tìm hiểu mối quan hệ giữa đói nghèo với thương mại cá cảnh hay không? Nếu làm được, chúng tôi có tạo ra được sự thay đổi nào không?



Tinakin Laut, một làng chài của người Bajo (Gypsy đại dương) ở Monsongan

Lúc đó là vào giữa tháng Ra-ma-đan – tháng nhịn ăn của người Hồi giáo, nên cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe của các thành viên trong đoàn. Tuy nhiên, việc hạn chế đi biển cũng như các hoạt động cơ bắp có nghĩa là ngư dân và thành viên các cộng đồng làng chài sẽ ở nhà nhiều hơn, bởi vậy chúng tôi mong rằng họ sẵn lòng dành thời gian tiếp chúng tôi. Thực tế đúng như vậy. Không chỉ thu được một khối lượng số liệu đáng kể về sinh kế, chúng tôi còn được thưởng ngoạn cảnh đẹp mê hồn của quần đảo Banggai – nơi có nền văn hóa đa dạng và những người dân rất hiếu khách.

Điều học hỏi từ cộng đồng

Chúng tôi đã nhanh chóng tìm ra một số vấn đề từ các cuộc thảo luận nhóm theo trọng tâm, phỏng vấn người cung cấp tin chính, quan sát thực địa và sử dụng các phương pháp khác. Nhận thức của chính quyền về thương mại cá cảnh nhìn chung còn thấp. Sự trao đổi thông tin giữa các nhóm chủ thể liên quan chỉ ở mức độ rất hạn chế. Ngư dân không được tham gia các hiệp hội, ít kiến thức - kỹ năng về kỹ thuật và hạch toán tài chính, thiếu thông tin, hiếm khi được tiếp xúc với thị trường hoặc hỗ trợ về vốn đầu tư. Nhiều mâu thuẫn đang tiềm ẩn và dễ gây ra xung đột. Tình hình hiện tại khá bất ổn về mặt môi trường sinh thái, và người dân địa phương có lẽ còn lâu mới được hưởng những quyền lợi chính đáng của mình.

Loài cá cảnh chủ yếu được ngư dân khai thác và buôn bán là loài đặc hữu của quần đảo Banggai – cá giáo chủ (*cardinal fish* – tên khoa học là *Pterapogon kauderni*), ngoài ra còn có một số loài khác mà dân địa phương hoặc người ở nơi khác (phần lớn ở đảo Bali và Java) cũng thường đến đánh bắt. Người khai thác thường dùng xy-a-nua (một phương thức đánh bắt nguy hiểm, đã từng làm chết nhiều rạn san hô, nhiều loài thủy sản và động vật thủy sinh có xương sống) và các phương thức hủy diệt khác để bắt cá. Hầu hết người dân ở đây đều coi những người đánh bắt xa bờ (thường có trang bị tốt hơn) là trộm cắp, nhưng cũng không thể ngăn chặn được tình trạng đó. Họ không có trong tay những công cụ pháp lý đủ mạnh để hạn chế sự xâm nhập của các đối tượng đang đe dọa nguồn lợi địa phương.

Tiếng nói của những người tham gia

Phân tích số liệu là công việc không đơn giản. Các chiến lược sinh kế, con đường trao đổi hàng hóa, những nguồn lực và môi trường có sự khác biệt rất lớn giữa các địa phương. Tuy nhiên, chúng tôi đã phát hiện ra những điểm trọng yếu nằm trong mối quan tâm chung của nhiều người. Trên thực tế, khả năng phát triển nghề khai thác và xuất nhập khẩu cá cảnh là rất lớn, có thể góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và có lẽ quan trọng hơn, sẽ giúp đời sống người dân bớt bấp bênh và cải thiện lâu dài môi trường sinh thái.



Hội nghị Banggai

Những phát hiện và khuyến nghị sơ bộ của dự án đã được tóm tắt vào một bản báo cáo ngắn trình bày tại hội nghị đối tác ở Banggai trước các đại biểu ngư dân, những nhà hoạch định chính sách của chính quyền địa phương, các cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo thôn xóm, đại diện thành phần kinh tế tư nhân, các chuyên gia trong ngành luật pháp, giáo dục và những ngành nghề khác. Các đại biểu đều cho rằng phải hành động ngay, và họ đã thảo luận về các giải pháp cần thực hiện. Lời đề nghị đã được gửi tới Yayasan Palu Hijau (YPH) – một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn nguồn lợi và phát triển cộng đồng - để tổ chức này giúp tìm nguồn tài trợ và soạn thảo kế hoạch triển khai với những nội dung quan trọng như xây dựng cơ chế quản lý nguồn lợi, thực thi các quy định của chính quyền về nâng cao vị thế của cộng đồng, bồi dưỡng năng lực kinh doanh (VD: làm kinh tế theo mô hình tổ tự

quản của Sáng kiến STREAM), phát triển công nghệ, đẩy mạnh tiếp thị sản phẩm và đào tạo – tập huấn.

Cuộc trò chuyện trong cộng đồng

Vẫn còn quá sớm để kết luận rằng những dự định tốt đẹp sẽ được thực hiện, hoặc khẳng định về tác dụng thực tế của chúng. Nhưng ít nhất, ý thức người dân đã được nâng lên và câu nói giữa các nhóm chủ thể đã hình thành. Người dân đã bắt đầu trò chuyện với nhau! Đây mới là sự khởi đầu nên tất cả chúng tôi sẽ phải nỗ lực hợp tác và chăm chỉ làm việc hơn nữa để mọi chuyện không dừng lại ở đó. Chúng tôi thấy cần phải bảo đảm rằng những việc làm của mình sẽ đem đến những thay đổi tích cực để cải thiện sinh kế cho những chủ thể liên quan, đặc biệt là cho các gia đình ngư dân và cộng đồng của họ.



Ba thế hệ trong một gia đình ngư dân khai thác cá cảnh ở Monsongan

Abigail Moore hiện đang sống và làm việc ở miền Trung Sulawesi (In-dô-nê-xi-a). Địa chỉ thư điện tử: <abigailt@plasa.com>.

Tìm hiểu thương mại cá cảnh biển và những tác động đối với đời sống người nghèo ở Phi-líp-pin

Elizabeth M Gonzales

Dự án nghiên cứu

Nghiên cứu điển hình về thương mại cá cảnh biển ở Phi-líp-pin là một hợp phần trong dự án “Xuất nhập khẩu hải sản quốc tế với việc hỗ trợ sinh kế bền vững cho những người nghèo tham gia khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản Châu Á” triển khai tại 3 nước, Việt Nam (đối với tôm), Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a (đối với cá cảnh biển). Dự án được sự tài trợ của Chương trình Nâng cao Hiệu quả Xóa đói Giảm nghèo – Cộng đồng Châu Âu (viết tắt tên tiếng Anh là EC-PREP) và được thực hiện bởi NACA-STREAM hợp tác với Công ty Tư vấn Poseidon có trụ sở tại châu Âu.

Mục tiêu tổng thể của dự án là nghiên cứu thương mại thủy sản quốc tế trong mối quan hệ với đói nghèo. Mục tiêu trước mắt là xác định những giải pháp nhằm phát huy tác dụng xóa đói giảm nghèo thông qua xuất nhập khẩu hải sản. Hợp phần Phi-líp-pin của dự án tập trung vào: i) phác thảo bức tranh toàn cảnh về thương mại cá cảnh ở Phi-líp-pin, lựa chọn địa điểm nghiên cứu để phân tích sinh kế; ii) xác định những nhóm đối tượng nghèo tham gia hoặc bị ảnh hưởng bởi thương mại cá cảnh và tìm hiểu sinh kế của họ; iii) đề xuất những thay đổi về cách thức làm việc để người nghèo được hưởng lợi nhiều hơn.

Nhóm nghiên cứu

Các thành viên của nhóm nghiên cứu Phi-líp-pin được chọn ra từ các đại biểu dự hội thảo do Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản, FAO và NACA-STREAM đồng tổ chức về phương pháp tiếp cận và phân tích sinh kế vào tháng 11/2003, gồm có: Trưởng phòng thông tin STREAM Phi-líp-pin, Điều phối viên Chương trình Hiệp hội Phát triển Nhân lực Nông thôn Phi-líp-pin (HHTPTNLNTP – viết tắt tên tiếng Anh là PhilDHERRA), thư ký của một tổ chức phi chính phủ, Điều phối viên Thực địa của Hội đồng Bảo tồn Biển và một cán bộ phụ trách đào tạo của Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản (CNCNLTS – viết tắt tên tiếng Anh là BFAR).

Quá trình thực hiện

Tiếp sau những cuộc đối thoại trên mạng internet, tháng 3/2004, nhóm họp bàn kế hoạch với Giám đốc và Cán bộ Chương trình của Sáng kiến STREAM. Các hợp đồng được ký kết với từng thành viên, kế hoạch khung được xây dựng với những nhiệm vụ phân công rõ ràng kèm theo kinh phí cần thiết. Tháng 4/2004, hai thành viên của nhóm bắt đầu **thu thập số liệu thứ cấp** thông qua các chuyến thăm và phỏng vấn các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan (như các doanh nghiệp xuất khẩu, các hãng vận tải đường hàng không và hàng hải...), các tổ chức phi chính phủ đang thực hiện những dự án khác ở địa điểm dự kiến nghiên cứu. Các tài liệu in hoặc trên mạng internet cũng được tập hợp để sử dụng.



Thử nghiệm kỹ thuật phân loại giàu nghèo với các ngư dân khai thác cá trên đảo Olango

Tháng 5/2004, cuộc họp lập kế hoạch lần thứ hai được tổ chức để nhóm cùng bàn bạc về kế hoạch chi tiết cho hoạt động phân tích sinh kế, từ việc vẽ sơ đồ chuỗi thị trường, xác định các chủ thể liên quan căn cứ vào các hoạt động của họ khi tham gia vào chuỗi thị trường, lựa chọn địa điểm nghiên cứu, cụ thể hóa các hoạt động, lên lịch triển khai, sắp xếp công việc, thống nhất về các phương pháp và công cụ đánh giá có sự tham gia cộng đồng sẽ sử dụng và chuẩn bị đầy đủ về hậu cần. Tiếp đó, nhóm tiến hành thí điểm ở *barangay* (làng) Santa Rosa, trên đảo Olango thuộc thành phố Lapulapu để làm quen với các công cụ phân tích rồi hợp rút kinh nghiệm.

Hai địa điểm được chọn để **nghiên cứu cộng đồng** là đảo Batasan (Tubigon, Bohol) và làng Sabang (đảo Olango, thành phố Lapulapu). Batasan là một cộng đồng ngư dân khai thác cá điển hình, nơi có nhiều dự án hỗ trợ của chính quyền và các tổ chức bên ngoài. Olango cũng là một cộng đồng khai thác cá truyền thống và có mạng lưới tiêu thụ sản phẩm độc lập, nhưng rất ít được chính quyền và các tổ chức phi chính phủ giúp đỡ. Đợt nghiên cứu này đi sâu vào các vấn đề về nguồn lực kinh tế – tài chính, cơ sở vật chất, tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, chính trị – xã hội; những yếu tố gây bất lợi, các chiến lược sinh kế, kết quả đạt được và nguyện vọng của người dân.

Các phương pháp **phân tích sinh kế** được sử dụng là thu thập dữ liệu thứ cấp, phỏng vấn người cung cấp thông tin chính, thảo luận nhóm theo trọng tâm, tham gia các phiên họp của các tổ chức quần chúng. Nhóm nghiên cứu cũng đi sâu tìm hiểu sự vận hành của các mắt xích trong chuỗi thị trường – từ khai thác cá đến đóng gói và bốc xếp hàng hóa lên tàu – bằng các công cụ khảo sát có sự tham gia của cộng đồng như *lịch mùa vụ, biểu đồ Venn, ma trận trao đổi thông tin, bản đồ chuyển dịch, bảng phân loại giàu nghèo* và *trục biến cố lịch sử* . Cuối đợt khảo sát, **sơ đồ chuỗi thị trường** (đã phác họa ban đầu dựa trên những thông tin sẵn có) được chỉnh lý lại. Nhóm nghiên cứu trở lại đảo Batasan để tiếp thu ý kiến sửa đổi, bổ sung mà người dân đóng góp cho các kết luận và khuyến nghị. Sự đóng góp của cộng đồng cũng được phản ánh trong báo cáo nghiên cứu.

Một số phát hiện từ quá trình nghiên cứu

Hoạt động trao đổi thương mại cá cảnh biển ở Phi-líp-pin đã trở thành một ngành kinh tế đạt doanh thu trị giá 6,4 triệu đô la và 632 tấn cá vào năm 2002. Thị trường xuất khẩu cá cảnh là các nước Ca-na-đa, Đan Mạch, Pháp, Đức, Hồng Kông, Nhật Bản, Hà Lan, Na Uy, Singapore, Thụy Sĩ, Anh và Mỹ. Khoảng 7000 ngư dân và 30 công ty xuất khẩu đang làm ăn trong lĩnh vực này. Trong tổng số 75 địa điểm khai thác cá cảnh, những khu vực có số lượng cá đánh bắt và trao đổi nhiều nhất là các tỉnh Batangas, Bohol, Cebu, Quezon, Surigao và Zamboanga. Những chuyến hàng xuất khẩu lớn thường được vận chuyển bằng đường hàng không giữa Manila và Cebu.

Những chủ thể chính trong chuỗi thị trường cá cảnh biển ở Phi-líp-pin là ngư dân khai thác, cơ sở cho vay lãi, cơ sở thu mua, người điều phối mua bán và doanh nghiệp xuất khẩu. Ngư dân khai thác là mắt xích đầu tiên của chuỗi thị trường. Cơ sở cho vay lãi thường chỉ tồn tại ở những cộng đồng mà công tác tổ chức kinh doanh chưa hoàn chỉnh, chuyên ứng tiền mặt để các ngư dân vay trước khi họ ra biển lặn bắt cá. Cơ sở thu mua là các đại lý trung gian giữa cơ sở cho vay lãi và doanh nghiệp nhập khẩu, được hưởng hoa hồng theo khối lượng hàng trung chuyển. Những người điều phối mua bán hoạt động trong các cộng đồng ngư dân khai thác có giấy phép của Hội đồng Bảo tồn Biển. Họ sắp xếp các công việc từ nhận đơn đặt hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu được cấp phép, mang các đơn đặt hàng đó đến hiệp hội ngư dân khai thác, sàng lọc và mua cá hàng ngày, tắm cá, ghi chép và lưu giữ sổ sách, đóng thùng, vận chuyển và làm thủ tục thanh toán với doanh nghiệp nhập khẩu. Doanh nghiệp nhập khẩu là những chủ thể ở cuối chuỗi thị trường nhưng có vai trò quyết định. Họ mua cá cảnh biển từ những nhà cung cấp và bán cho các công ty nhập khẩu ở nước ngoài mà họ có quan hệ trực tiếp, bởi vậy họ kiểm soát được giá cả. Do những quy định ngặt nghèo về nhập khẩu lưới đánh cá nút đơn có mắt lưới nhỏ, nên cũng chỉ có các doanh nghiệp xuất khẩu mới có khả năng tìm được nguồn cung cấp lưới loại này và do đó các ngư dân khai thác cá cảnh càng phải phụ thuộc vào họ.

Bên cạnh đó, còn có các nhóm đối tượng khác như lao động đóng gói trẻ (thường dưới 15 tuổi), phụ nữ phân loại cá (thường là người nhà của các ngư dân khai thác), lao động đóng gói trưởng thành ở kho hàng của các cơ sở cho vay lãi hoặc doanh nghiệp xuất khẩu, và những người làm công được hưởng lương theo tháng ở các hộ cho vay lãi. Đây là những đối tượng nghèo nhất của cộng đồng, vì mức thu nhập của họ thấp hơn nhiều so với chuẩn nghèo quốc gia, 13.915 pê-sô (tức khoảng 251 đô la Mỹ) mỗi năm. Trong báo cáo nghiên cứu, chúng tôi còn trình bày những tác động của thương mại thủy sản lên sinh kế của các chủ thể nghèo tham gia chuỗi thị trường và đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo.

Những bài học

Kết quả phân tích sinh kế phụ thuộc vào chất lượng của các thông tin, số liệu thu thập được trên thực địa. Là những cán bộ làm công tác phát triển, chúng tôi hiểu rằng phải mất nhiều thời gian để người dân có thái độ cởi mở và hợp tác với những người xa lạ từ nơi khác đến. Chỉ khi giành được lòng tin và sự tôn trọng của họ thì mới có thể thuyết phục được họ tham gia khảo sát những vấn đề trong cộng đồng của họ. Nhờ kinh nghiệm tiếp xúc và xây dựng quan hệ, các thành viên nhóm nghiên cứu đã được người dân tận tình giúp đỡ khi làm việc với địa phương.

Chị Elizabeth M Gonzales là Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của Sáng kiến STREAM tại Phi-líp-pin. Địa chỉ thư điện tử <streambfar-phil@skyinet.net> hoặc <bethgonz15@yahoo.com>.

VÀI NÉT VỀ TẠP CHÍ STREAM

Tạp chí STREAM được xuất bản bởi:

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản khu vực (STREAM)
Địa chỉ: STREAM Initiative
NACA Secretariat
Suraswadi Building
Department of Fisheries Compound
Kasesart University Campus
Ladyao, Jatujak, Bangkok 10903, Thailand

Ban biên tập

Graham Haylor, Giám đốc STREAM
Lê Thanh Lựu, Điều phối viên STREAM Việt Nam
William Savage, Chuyên gia thông tin STREAM
Sonia Seville, Điều phối viên STREAM Phi-lip-pin
Thay Somony, Điều phối viên STREAM Cam-pu-chia

Mục đích

Tạp chí STREAM được xuất bản hàng quý nhằm thúc đẩy sự tham gia, trao đổi thông tin và chính sách hỗ trợ sinh kế của người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản, và để xây dựng mối quan hệ trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi thủy sản cũng như các lĩnh vực khác ở Châu Á - Thái Bình Dương. Nội dung các bài viết trên tạp chí chủ yếu là về cuộc sống của những người dân liên quan đến việc quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các đối tượng nghèo, các cơ quan, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức quốc tế cùng làm việc với cộng đồng. Các vấn đề được đề cập bao gồm việc học hỏi kinh nghiệm, giải quyết tranh chấp, kỹ thuật truyền thông, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế, giới, sự tham gia của người dân, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin.

Một mục đích quan trọng khác của Tạp chí STREAM là tạo cơ hội cho những người dân bình thường trình bày quan điểm của mình trong một ấn bản chuyên môn. Nội dung Tạp chí STREAM không nhằm mục đích phản ánh quan điểm của một tổ chức hay cơ quan cụ thể nào đó, mà thể hiện những tiếng nói của các cá nhân giới thiệu kinh nghiệm của riêng mình. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết, còn STREAM xác nhận và chịu trách nhiệm về biên tập và tổng quan.

Xuất bản

Tạp chí STREAM được xuất bản dưới ba hình thức:

- Bản điện tử được in và phân phối từ các Trung tâm thông tin của STREAM
- Bản điện tử có thể lấy từ trang web của STREAM tại địa chỉ <http://www.streaminitiative.org>
- Bản in do Ban thư ký NACA phân phối

Tham gia đóng góp

Tạp chí STREAM khuyến khích sự tham gia đóng góp các bài viết về những vấn đề cần quan tâm liên quan đến sử dụng nguồn lợi thủy sản. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể viết các bài báo về kinh nghiệm của mình (mỗi bài dài không quá 1000 từ, bằng tiếng Anh đơn giản) để đóng góp cho tạp chí. Các bài đóng góp có thể trực tiếp chuyển tới William Savage, Biên tập viên Tạp chí theo địa chỉ thư điện tử <savage@loxinfo.co.th>. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Graham Haylor, Giám đốc STREAM, theo địa chỉ <ghaylor@loxinfo.co.th>

GIỚI THIỆU VỀ SÁNG KIẾN STREAM

Sáng kiến Hỗ trợ Quản lý Nguồn lợi Thủy sản Khu vực (STREAM) là sáng kiến nằm trong Chương trình hành động 5 năm của Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á - Thái Bình Dương (NACA).

Mục đích của STREAM là hỗ trợ các cơ quan và tổ chức: Sử dụng thông tin hiện có một cách có hiệu quả hơn; hiểu biết tốt hơn về cuộc sống của người dân; và, tạo cơ hội cho người nghèo tham gia xây dựng các chương trình và chính sách có tác động đến cuộc sống của họ. Để thực hiện điều này, STREAM sẽ hỗ trợ các cơ quan, tổ chức xây dựng các chương trình, chính sách và nâng cao năng lực phục vụ cho việc: Xác định những vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản có tác động đến cuộc sống của người dân; giám sát và đánh giá các phương thức quản lý khác nhau; thu thập thông tin; và, xây dựng mạng lưới liên kết nội bộ và ngoại vi giữa các ngành cũng như các quốc gia

Sáng kiến STREAM được hình thành trên cơ sở sự hợp tác và hỗ trợ của AusAID, DFID, FAO, VSO với NACA; cố gắng áp dụng cách tiếp cận tổng thể, để liên kết các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ họ tham gia thiết kế, thực hiện và quản lý sáng kiến này.

Công việc của sáng kiến ở mỗi nước được thực hiện thông qua Nhóm điều phối quốc gia, gồm Điều phối viên (chuyên viên cấp cao được chính phủ đề cử) và Trưởng phòng Thông tin, liên kết với mạng lưới các đối tác trên toàn quốc. Trong 2 năm đầu, các Trưởng phòng Thông tin sẽ được STREAM hỗ trợ phần mềm, phần cứng, đào tạo, công nghệ thông tin, nhân sự và liên kết các đối tác trong nước thông qua mạng internet.

Hoạt động điều phối ở mỗi quốc gia sẽ được định hướng bằng Tài liệu chiến lược quốc gia được cập nhật hàng năm. Tài liệu này do Điều phối viên và Trưởng phòng Thông tin xây dựng với sự tư vấn của các đối tác, nhằm xác định các vấn đề chủ chốt, chỉ rõ các mối liên hệ ở cấp khu vực, đề xuất và xếp thứ tự ưu tiên những hoạt động cần triển khai, đồng thời tìm kiếm thêm nguồn tài chính cho các lĩnh vực này từ phía STREAM hoặc những nhà tài trợ khác (thông qua sự trợ giúp của STREAM).

Văn phòng STREAM khu vực (đặt tại Trụ sở Ban Thư ký NACA ở Băngcốc – Thái Lan) có chức năng chỉ đạo chung và điều phối ở cấp khu vực, phân bổ kinh phí và quản lý các hoạt động đan xen giữa 4 chủ điểm sinh kế, phát triển thể chế, xây dựng chính sách, và trao đổi thông tin của sáng kiến.

Sáng kiến STREAM sẽ được thực hiện liên tục, từ những thử nghiệm ban đầu ở Campuchia và Việt Nam mở rộng ra các nước Châu Á - Thái Bình Dương - nơi có cơ hội giải quyết vấn đề nghèo đói và ứng dụng phương pháp quản lý có hiệu quả. Khi đã tích lũy được những kinh nghiệm và bài học, các ảnh hưởng tích cực sẽ được tạo ra và đó sẽ là cơ sở để có thêm nguồn tài trợ cho sáng kiến này. Chiến lược trao đổi thông tin của STREAM nhằm vào việc gia tăng tác động lên các diễn biến phát triển ở khu vực thông qua việc cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết cho những diễn biến đó. Tạp chí và trang web STREAM đều là những hợp phần của chiến lược này.

Các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của Sáng kiến STREAM

Ấn Độ	Rubu Mukherjee	Thư điện tử: <rubumukherjee@rediffmail.com>
Cam-pu-chia	Chantrea Bun	Thư điện tử: <cfdo@camnet.com.kh>
In-đô-nê-xi-a	Aniza Suspita	Thư điện tử: <budhiman@indosat.net.id>
Lào	Phanthavong Vongsamphanh	Thư điện tử: <phanthavongkv@hotmail.com>
Mi-an-ma	Khin Muang Soc	Thư điện tử: <dof@mptmail.net.com>
Nê-pan	Nilkanth Pokhrel	Thư điện tử: <agroinfo@wlink.com.np>
Pakistan	Muhammad Junaid Wattoo	Thư điện tử: <junaid_narc@yahoo.com>
Phi-líp-pin	Elizabeth Gonzales	Thư điện tử: <streambfar-phil@skynet.net>
Sri Lanka	Athula Senaratne	Thư điện tử: <athulahsenaratne@yahoo.com>
Vân Nam (Trung Quốc)	Susan Li	Thư điện tử: <blueseven@mail.china.com>
Việt Nam	Nguyễn Song Hà	Thư điện tử: <nguyensongha@fpt.vn>